

TIỀM NĂNG KINH TẾ VIỄN ĐÔNG, LIÊN BANG NGA VÀ KHẢ NĂNG HỢP TÁC VỚI VIỆT NAM

(Phần II)

PGS. TS. Vũ Dương Huân
Học Viện Ngoại giao

7. Chiến lược phát triển Viễn Đông và Dabaical đến 2025

Như đã trình bày ở trên, Viễn Đông có vị trí địa - chiến lược, địa - kinh tế quan trọng đối với Liên bang Nga. Nhận thức được ý nghĩa trên, chính phủ Nga đã từng bước điều chỉnh chính sách đối với Viễn Đông. Tổng thống Putin và cả khi đảm nhiệm chức vụ Thủ tướng, đã nhiều lần trực tiếp thị sát Viễn Đông. Chính ông là người quyết định chọn thành phố Vladivostok làm địa điểm tổ chức Hội nghị cấp cao APEC-2012 do nước Nga đăng cai. Ông cũng là người phê duyệt “Chiến lược phát triển Viễn Đông và Dabaical đến 2025”, cất bằng khai trương siêu cảng dầu Kozmino... Tổng thống D. Medvedev cũng đã nhiều lần thăm Viễn Đông. Tại cuộc họp với lãnh đạo các địa phương Viễn Đông, Tổng thống nhấn mạnh việc phải củng cố vị trí nước Nga tại khu vực. Phát biểu trong cuộc gặp cấp cao Nga - ASEAN tại Hà Nội (30/10/2010), ông lại khẳng định Châu Á-Thái Bình Dương đáp ứng lợi ích tất cả các nước và nước Nga mở

rộng cánh cửa hợp tác với khu vực. Đó chính là một trong những hướng ưu tiên cao trong chính sách đối ngoại của Nga...¹ Trong chính phủ mới được thành lập sau khi Putin tái đắc cử Tổng thống nhiệm kỳ 3 đã thành lập Bộ Phát triển Viễn Đông và cử ông V. Isaiev, Đại diện toàn quyền của Tổng thống tại đại khu Viễn Đông kiêm chức Bộ trưởng. Trụ sở của Bộ Phát triển Viễn Đông đặt tại Matxcova và thành phố Khabaroxco.

Có những nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chiến lược hướng Đông của nước Nga:

Thứ nhất, đây là khu vực có sự phát triển nhanh, năng động của thế giới. Ví dụ, năm 2010 tốc độ phát triển trung bình cả khu vực đạt 7% (Trung Quốc: 9,5% và Ấn Độ: 8%), trong khi đó Liên minh Châu Âu chỉ có 1,6% và dự báo năm sau là 1,4%. Hiện nay, Châu Á-Thái Bình Dương chiếm 60% GDP, 50% thương mại và 40% đầu tư thế giới.

Thứ hai, trung tâm phát triển của thế giới đã chuyển sang Châu Á-Thái Bình

¹ Báo Tin tức, ngày 9/11/2010 (tiếng Nga).

Dương. Đang có sự thay đổi cán cân quyền lực lớn tại Đông Á.

Thứ ba, đây cũng là khu vực có tiềm năng khoa học công nghệ, đầu tư rất lớn, song rất thiếu năng lượng, nguyên liệu và đó lại chính là thế mạnh của nước Nga.

Thứ tư, là sự đảm bảo cho sự phát triển bên trong khu vực Viễn Đông trong liên kết quốc tế với Châu Á-Thái Bình Dương.

Chính sách đối ngoại hướng Đông của Liên bang Nga xác định ba nhiệm vụ trọng tâm:

Thứ nhất, phát triển mạnh, nâng lên tầm cao mới quan hệ kinh tế của Viễn Đông và cả nước Nga với Châu Á-Thái Bình Dương (Chính phủ đang chuẩn bị chương trình cùng cố vị thế của Nga ở khu vực) và một hướng lớn là mở rộng các thỏa thuận tự do thương mại với Châu Á-Thái Bình Dương. Hiện có tới 50 thỏa thuận như vậy ở khu vực.

Thứ hai, chuyên môn hóa trong thị trường Châu Á-Thái Bình Dương. Coi trọng các lĩnh vực công nghệ cao mà Nga có khả năng như năng lượng, chế tạo máy bay, dịch vụ vũ trụ...

Thứ ba, cùng cố vai trò, vị trí nước Nga tại các tổ chức khu vực như APEC, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, ASEAN, BRICS... Nga sẽ đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của mình trong các tổ chức này².

Chiến lược khá tham vọng, song là tham vọng thực tế. Nhiều chuyên gia đều cho

rằng, chiến lược của Liên bang Nga cần phải như sau: Dựa vào phía Tây, ổn định phía Nam và tiến về phía Đông. Cuộc hành quân về phía Đông của nước Nga mới chỉ bắt đầu.

Ngày 20/01/2010, thủ tướng Putin đã ký phê duyệt "Chiến lược phát triển Viễn Đông và Dabaiikal đến 2025". Đây là chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã được các Bộ Phát triển khu vực, Kinh tế, Tài chính, các chủ thể liên quan và Đại diện toàn quyền Tổng thống tại hai đại khu Viễn Đông và Xibêri soạn thảo. Ngoài ra, Chiến lược cũng được đồng đảo giới khoa học và quản lý góp ý kiến.

Văn kiện khung này thể hiện tư tưởng, quan điểm và các nhiệm vụ chủ yếu. Lần đầu tiên có một văn kiện thể hiện quan điểm tổng hợp trong xây dựng chiến lược phát triển một khu vực lớn nhất nước Nga, xác định vị trí, vai trò một khu vực cụ thể trong nền kinh tế và chính trị đất nước, vẽ lên bức tranh toàn cảnh khu vực sau 15 năm phát triển. Dựa trên cơ sở của Chiến lược, các nhiệm vụ cụ thể sẽ được các bộ, ngành, các chủ thể liên quan cụ thể hóa. "Chiến lược Phát triển Viễn Đông và vùng Dabaiikal đến năm 2013" thông qua năm 2007 cũng phải bổ sung, sửa chữa cho phù hợp với Chiến lược mới.

Mục tiêu của Chiến lược Phát triển khu vực Viễn Đông và Dabaiikal là thực hiện nhiệm vụ địa - chiến lược, cùng cố dân cư ở Viễn Đông và vùng Baikal qua việc hình thành nền kinh tế phát triển và môi trường sống thuận tiện cho người dân, đạt được

² Báo Tin tức, ngày 9/11/2010 (tiếng Nga).

trình độ phát triển kinh tế, xã hội trung bình của nước Nga.

Nguyên tắc là phải đảm bảo cho khu vực đó có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn tốc độ trung bình của nước Nga.

Phải giải quyết một loạt nhiệm vụ. Một trong các nhiệm vụ hàng đầu là: Tạo dựng các điều kiện để phát triển các ngành, lĩnh vực có nhiều thế mạnh như khai thác tài nguyên, vận chuyển quá cảnh, xuất khẩu; Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng năng lượng và giao thông; Phát triển các lĩnh vực mới (chế biến và công nghệ hóa) dựa trên tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng công nghiệp, con người và khoa học trong khuôn khổ các chiến lược phát triển ngành, chiến lược phát triển các chủ thể, các địa phương và chiến lược của các đại công ty. Ví dụ: Sẽ hình thành các tổ hợp công nghiệp vũ trụ ở tỉnh Amur, tổ hợp hàng không xung quanh thành phố Komcomol trên sông Amur, Khabarov; Các xưởng đóng tàu lớn và hiện đại ở Primorie; Hình thành các trung tâm đổi mới công nghệ, các công viên công nghệ theo mô hình "ý tưởng - công nghệ - bán"... Đặc biệt, sẽ hình thành hai trường đại học Liên bang ở Viễn Đông tại thành phố Vladivostok và Irocutxơ. Các trường này có chức năng nghiên cứu và đào tạo chuyên gia chất lượng cao phục vụ trong nước và khu vực Châu Á-Thái Bình Dương...

Ngoài ra, nhất thiết phải: Sắp xếp lại dân cư vững chắc, đưa dân cư vào các vùng kinh tế phát triển hơn và môi trường sống tốt hơn; Giảm bớt các cản trở đối với liên kết

kinh tế của hai khu vực Viễn Đông và Dabailal và phần còn lại của nước Nga; Tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của khu vực trên cơ sở hình thành quy phạm pháp luật, xác định các điều kiện đặc biệt về giá cả, thuế, thuế quan và chính sách ngân sách; Hình thành dân cư, lực lượng lao động với số lượng cần thiết để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế của khu vực, tăng chất lượng lực lượng lao động; Đảm bảo, giữ gìn bản sắc các dân tộc thiểu số trong khu vực.

Chiến lược chia làm 3 giai đoạn

* *Giai đoạn 1 (2009-2015)*. Mục tiêu chủ yếu của giai đoạn này là đẩy mạnh tốc độ đầu tư, mở rộng công nghệ tiết kiệm năng lượng, tăng cơ hội việc làm, xây dựng cơ sở hạ tầng mới, chú trọng các dự án công nghiệp và nông nghiệp.

* *Giai đoạn 2 (2016-2020)*. Mục tiêu chính là triển khai các dự án năng lượng có quy mô lớn, tăng cường vận chuyển hàng khách và hàng hóa quá cảnh, hình thành mạng lưới vận chuyển nông sản; gia tăng sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu.

* *Giai đoạn 3 (2021- 2025)*. Trọng tâm của giai đoạn này là phát triển kinh tế, chủ yếu là kinh tế tri thức, khai thác với quy mô lớn các mỏ dầu, khí để sản xuất và xuất khẩu, hoàn thành tái thiết các đại dự án năng lượng và giao thông.

Đề khuyến khích tăng và ổn định dân cư, Chính phủ quyết định cấp 0,3 ha đất

miễn phí cho mỗi người dân muốn cư trú lâu dài ở Viễn Đông và Dabaiikal để xây nhà ở³.

2. Đánh giá tiềm năng kinh tế Viễn Đông

2.1. Đặc thù - nghịch lý của Viễn Đông

Thứ nhất, sự mâu thuẫn giữa lãnh thổ rộng lớn và dân số. Đại khu Viễn Đông có diện tích hơn 6,2 triệu km², tức 36,4% lãnh thổ nước Nga, song dân số chỉ có hơn 6,4 triệu người tức 4,6% dân số cả nước.

Thứ hai, sự tập trung không đồng đều giữa tiềm lực con người, thiết bị kỹ thuật và thiên nhiên. Vùng phía nam phát triển thuận lợi hơn cả về mặt kinh tế (tập trung 31% các xí nghiệp của Viễn Đông). Mặc dù Viễn Đông rất mong đợi dòng vốn đầu tư, song chỉ có được chủ yếu nhờ các dự án dầu khí ở tỉnh Xakhalin, ít ảnh hưởng đến phát triển kinh tế cả khu vực và nhất là công nghiệp.

Thứ ba, lãnh thổ rộng lớn bao la và giàu có, song trình độ phát triển kinh tế - xã hội không cao. Viễn Đông chỉ chiếm có 5% tổng sản phẩm quốc nội của nước Nga, giá sinh hoạt lại cao hơn 40% mức độ trung bình của cả nước, tương ứng tỉ lệ người nghèo cao hơn tỉ lệ trung bình của nước Nga. Viễn Đông chiếm vị trí cuối cùng trong bảng xếp hạng giữa các đại khu liên bang về giá trị các quỹ cơ bản, khối lượng hàng hóa chế biến được vận chuyển, cũng như các chỉ số về cung cấp gaz, điện nước trên 1.000 dân, tỉ lệ về đường bộ có rải nhựa, về nộp thuế.

Thứ tư, Viễn Đông có các nhân tố tốt nhất để nước Nga hội nhập vào Châu Á-Thái Bình Dương, song không thể phát triển các quá trình liên kết có quy mô. 70% kinh tế các vùng biên giới phía nam Viễn Đông đều hướng ra các nước Đông Bắc Á, Châu Á-Thái Bình Dương do gần về địa lý chứ không phải là kết quả của các quá trình liên kết. Xuất khẩu của nước Nga sang các nước Châu Á-Thái Bình Dương chỉ chiếm 1% xuất khẩu và 0,5% của tổng giá trị nhập khẩu của nước Nga. Như vậy, theo góc độ kinh tế, các vùng biên giới Viễn Đông chưa thúc đẩy nước Nga hội nhập vào khu vực. Yếu tố kiềm chế ở đây là trình độ phát triển kinh tế của các khu vực biên giới thấp.

Thứ năm, có mâu thuẫn giữa sự giàu có về cơ sở nguyên nhiên liệu và sự chưa phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Nước Cộng hòa Sakha giàu có nhất về tài nguyên (58,3%), chiếm vị trí thứ 2 là tỉnh Xakhalin (12,2%); rồi đến vùng Primorie (9,4%); tỉnh Magadan (7,4%); vùng Khabarov (7,4%); tỉnh Amur (3,1%); Chukotka (1,3%); Kamchatka (0,7%); khu tự trị Do Thái (0,2%).

2.2. Các vấn đề cơ bản của Viễn Đông

Thứ nhất, có sự mất cân đối nghiêm trọng về phát triển công nghiệp. Các ngành khai khoáng chiếm ưu thế. Có nghịch lý là chi phí cho khai thác và chế biến nguyên liệu lại rất cao. Từ năm 2001, trao đổi thương mại và dịch vụ sản xuất tăng nhanh, song tốc độ phát triển công nghiệp chậm. Công nghiệp chế biến chủ yếu ở Primorie

³ Báo Sừng vàng, báo Vladivostok, ngày 26, 27/01/2010 (tiếng Nga).

(27,49%) và Khabarov (40,4%). Tỉ trọng các lĩnh vực khác còn lại không vượt 10%. Phân tích bản đồ khu vực phát triển kinh tế vượt trội, có thể rút ra kết luận: Ngành chủ yếu của Viễn Đông là tổ hợp nông - công nghiệp, ngành chế biến và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Song theo khối lượng sản phẩm nông nghiệp, Viễn Đông lại chiếm vị trí cuối bảng trong Liên bang.

Thứ hai, nước Cộng hòa Sakha giàu có nhất về tài nguyên (58,3%), xếp sau là tỉnh Xakhalin (12,2%); rồi đến vùng Primorie (9,4%); tỉnh Magadan (7,4%); vùng Khabarov (7,4%); tỉnh Amur (3,1%); Chukotka (1,3%); Kamchatka (0,7%); khu tự trị Do Thái (0,2%). Theo số liệu thống kê năm 2007, khối lượng các ngành chế biến của Viễn Đông là thấp nhất nước Nga (có 158,74 tỉ rúp), còn ngành khai khoáng chỉ gấp đôi (364,02 tỉ rúp). Trong khi đó tốc độ tăng trưởng các ngành chế biến là 128,1%, còn khai khoáng là 164,8% năm 2006.

Thứ ba, sự tồn tại ở việc các khu vực hành chính - lãnh thổ được chia ra theo cách tự nhiên và được thống nhất vào một đại khu liên bang với các chủ thể khác nhau về trình độ phát triển kinh tế - xã hội trong đó, mối liên hệ giữa các vùng kinh tế miền Nam với nhau không được tốt, theo các tuyến giao thông huyết mạch, lại không có các mối quan hệ kinh tế với các vùng phía bắc. Miền Nam có điều kiện tốt để phát triển lực lượng lao động cho các ngành công nghiệp hiện đại và dịch vụ, còn các vùng phía bắc vẫn đề dân

số, kinh tế, xã hội, tài nguyên, khí hậu lại hoàn toàn khác.

Thứ tư, có sự chia cắt về phương diện kinh tế của khu vực khỏi trung tâm nước Nga và tăng cường sự lệ thuộc kinh tế đối với các nước láng giềng. 30% giá trị GDP của các địa phương Viễn Đông phụ thuộc vào xuất khẩu. Khả năng cạnh tranh của sản phẩm kém, giá trị gia tăng cao nên đối tác nước ngoài quan tâm chủ yếu là tài nguyên thiên nhiên Viễn Đông. Thiếu chính sách và cơ cấu đầu tư của nhà nước ở Viễn Đông, thiếu tiến bộ khoa học - công nghệ. Do không có tiến bộ công nghệ ở các cơ sở công nghiệp nên hậu quả là sản phẩm cùng loại bị hàng ngoại đẩy khỏi sân nhà. Chưa có cơ cấu hiện thực khuyến khích hợp tác khu vực biên giới.

Thứ năm, tiềm lực khoa học - công nghệ trong kinh tế các thành phố Viễn Đông thấp. Chi phí ngân sách cho phát triển sản xuất gấp ba lần sản phẩm cùng loại ở các khu vực khác trong nước Nga. Ví dụ, chi phí cho khoa học ở Viễn Đông là 1,16% trong khi trung bình ở nước Nga là 2,3%. Tổng số lượng cán bộ khoa học tham gia công tác nghiên cứu/1.000 người tham gia vào nền kinh tế là 12,8 người, còn bình quân của nước Nga là 13,6 người.

Hệ số tiềm năng đổi mới công nghệ của các thành phố Viễn Đông, số lượng phát minh, sáng chế/1.000 dân thấp hơn 3 lần so với Xanh Petecbua, và kém 15 lần so với Matxcova. Doanh nghiệp chỉ đảm bảo 8% chi phí cho khoa học - công nghệ, trong khi đó bình quân ở nước Nga là 49%. Các tổ

chức tham gia đổi mới công nghệ ở Viễn Đông: 7,5%, trong công nghiệp: 7,1%. Hiện Viễn Đông có 17 công viên công nghệ. Sản phẩm đổi mới công nghệ chỉ có 2,5%, còn trung bình ở nước Nga là 5,5%.

Có xu hướng phát triển không nhịp nhàng giữa đầu tư tài chính và hoàn vốn đầu tư, xu hướng giảm trình độ đổi mới công nghệ và sự phát triển quy mô xí nghiệp. Sự phát triển yếu kém của hạ tầng tài chính và mức độ phụ thuộc tài chính vào ngân sách Liên bang cao.

Thứ sáu, hệ thống ngân hàng của Viễn Đông đóng vai trò không đáng kể trong hệ thống ngân hàng Liên bang. Về số lượng các tổ chức tín dụng, Viễn Đông đứng ở vị trí cuối cùng ở Liên bang. Cơ cấu hạ tầng tài chính Viễn Đông có đặc điểm là sự chi phối của chi nhánh các tổ chức ở Matxcova và Xanh Petecbua. Hiện tại, Viễn Đông chỉ có 45 ngân hàng của chính mình, trong khi đó có tới 163 ngân hàng các địa phương khác kinh doanh ở Viễn Đông. Trợ cấp cho ngân sách địa phương từ Trung ương cao, ở tỉnh Xakhalin khoảng 10% ngân sách, còn ở vùng Kamchatka và tỉnh Amur đến 30%.

Sự phụ thuộc vào tài chính của Trung ương lớn hơn mức trung bình của cả nước, do đó không cân đối được ngân sách nên giảm khả năng thực hiện quan điểm tài chính độc lập.

Thứ bảy, tình trạng xã hội và dân số phức tạp. Do điều kiện sống giảm nên người dân di khỏi Viễn Đông khá nhiều. Năm 1991

dân số Viễn Đông là 8,1 triệu người, đến nay còn có 6,5 triệu (đi 19,8%). Nếu xu hướng này tiếp diễn, đến giai đoạn 2015-2025, Viễn Đông sẽ rơi vào tình trạng "hở dân số" và như vậy mỗi năm GDP của khu vực sẽ giảm 1,6%. Trong khi đó tỉ lệ sinh đẻ thấp hơn tỉ lệ chết. Năm 2010, lần đầu tiên tỉ lệ sinh cao hơn tỉ lệ chết. Mặc dù có người nhập cư đến Viễn Đông, song số người đến không bù được số người rời Viễn Đông. Ngoài ra, dân số già đi của Viễn Đông đứng đầu Liên bang Nga.

Người ta chia Viễn Đông làm ba vùng để sinh sống: 1) Loại không thuận lợi: Cộng hòa Xakha, khu tự trị Chukotka, tỉnh Magadan, khu tự trị Koriak, miền bắc của vùng Khabrov, các tỉnh Amur và Xakhalin (17,7%); 2) Điều kiện sinh sống được gồm vùng Primorie (30,9%); 3) Điều kiện sinh sống trung bình: tất cả lãnh thổ còn lại (51,4%).

Mặc dù Chiến lược của Liên bang "Phát triển kinh tế - xã hội Viễn Đông và Dabaiikal đến 2013" có nhiều yếu tố tích cực liên quan đến phát triển dân số, song còn có những hạn chế như chưa đánh giá hết việc thiếu tài chính cho xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa cho người dân muốn đến sinh sống ở Viễn Đông. Trước mắt cần tạo điều kiện sống, ngăn chặn làn sóng người ra đi và sau đó mới đến chương trình di cư đến.

Thứ tám, ở thị trường Viễn Đông có sự tách rời giữa khả năng sản xuất hàng hóa, dịch vụ và chất lượng cuộc sống. Chênh lệch trong thu nhập của dân cư ngày càng

rộng ra. Chỉ số đó ở nước Nga là 10%, song ở Viễn Đông là 40,2%. Dân cư với thu nhập thấp hơn mức tối thiểu trong khu vực chiếm 21,2%, còn trung bình ở nước Nga là 17,6%. Trên thực tế, ở tất cả các địa phương của Viễn Đông, lương hưu của người lao động đều thấp hơn mức sống tối thiểu của địa phương. Tháng 1/2008, mức thực phẩm tối thiểu cho 1 người ở Viễn Đông là 2.534,2 rúp, tức 22%, cao hơn trung bình ở nước Nga.

2.3. Phân tích các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội

a. *Tình chính trị, kinh tế cho phép nhận sự trợ giúp mạnh mẽ của Chính phủ Liên bang* để thực hiện các chiến lược phát triển Viễn Đông. Hạn chế là thường xuyên không thực hiện đầy đủ các chương trình, chiến lược.

b. Vị trí địa lý, tài nguyên khí hậu:

- Gần với các đối tác Châu Á-Thái Bình Dương, có thị trường tiêu thụ lớn;

- Hiện hữu rất nhiều tài nguyên thiên nhiên độc nhất vô nhị và đa dạng sinh học;

- Tiềm năng lớn dịch vụ dòng du lịch quá cảnh (Á- Âu);

- Hạn chế: Rất xa thị trường tiêu thụ châu Âu; xa phần châu Âu của nước Nga, các trung tâm kinh tế văn hóa đất nước; điều kiện khí hậu thiên nhiên khắc nghiệt.

c. Tài nguyên thiên nhiên:

- Giàu có tài nguyên thiên nhiên.

- Hạn chế: Mức độ thấp của sự tham gia của tài nguyên vào hoạt động kinh tế; Điều kiện khai thác khoáng sản phức tạp; Điều tra nghiên cứu chưa đầy đủ do thiếu tài chính; Sử dụng chưa hiệu quả tài nguyên.

d. Tình hình dân số:

- Dân số giảm nhanh do người ra đi, tỉ lệ chết cao, nhất là đàn ông; Cơ cấu tuổi xấu do tỉ lệ sinh thấp.

e. *Tiềm năng kinh tế:* Cơ cấu kinh tế rất đa dạng; Có tiềm năng khoa học công nghệ; Thị trường nước ngoài thuận lợi; Có lãnh thổ rộng để triển khai các hoạt động kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng.

- Hạn chế: Sự hao mòn về tinh thần và vật chất của bộ phận lớn các quỹ sản xuất và bộ phận tích cực của chúng; Không đủ tiềm lực đầu tư hiện đại hóa các xí nghiệp và tái chế biến trang bị công nghiệp, tái sản xuất; Các xí nghiệp công nghiệp sử dụng không hết công suất; Không đủ các đơn đặt hàng của Nhà nước để sử dụng hiệu quả công suất các xí nghiệp quốc phòng; Không đủ tài chính cho tăng công suất; Phần sản phẩm cuối cùng thấp trong tổng khối lượng sản xuất công nghiệp; Tốc độ khai thác sản phẩm công nghệ ít; Khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong khu vực thấp; Điều kiện phát triển nông nghiệp hạn chế.

f. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng:

- Cơ cấu điện năng: Trong tầm trung hạn, tái trang bị công nghệ các nhà máy phát điện cũ là sự hao mòn cao các quỹ sản xuất

chủ yếu của ngành điện lực. Hạn chế: Giá điện cao.

- Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải: Tiềm năng phát triển chức năng chu chuyển lớn, hình thành các đầu mối dịch vụ giao thông vận tải lớn do là nơi giao thoa giữa đường sắt, đường hàng không, đường bộ, đường sông và đường biển. Hạn chế: Khai thác chưa tốt giao thông vận tải của cả khu vực: do hạn chế thời gian sử dụng; hạn chế mạng giao thông đường bộ; hạn chế tiềm lực tài chính để duy tu đường bộ; hạn chế về phương tiện duy tu và hiện đại hóa các tuyến đường liên bang; chi phí hao mòn các phương tiện cơ sở hạ tầng giao thông cao.

- Hạ tầng tài chính: Sự phát triển năng động hệ thống ngân hàng: tăng trưởng ổn định các chỉ số hoạt động ngân hàng, mở rộng mạng lưới, số lượng, chất lượng dịch vụ, phát triển hệ thống thanh toán, khối lượng thanh toán. Hạn chế: các nhân tố hiện đại hóa hạ tầng còn trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành; thiếu ngân hàng khu vực; dịch vụ ngân hàng còn hạn chế.

- Hiện đại hóa hạ tầng cơ sở: Có các nhân tố cơ bản để hiện đại hóa. Hạn chế: Các nhân tố hiện đại hóa hạ tầng còn trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành; Thiếu các nhân tố hạ tầng đổi mới công nghệ đầu tư tài chính rui ro.

g. Mức sống dân cư: Tăng lương thực tế; Tăng thực tế thu nhập bằng tiền của dân cư; Tăng số lượng giai cấp trung lưu, giảm số người nghèo. Hạn chế: Tăng lương và

lương hưu chậm so với mức độ tăng trung bình của nước Nga; Sức mua của thu nhập thấp hơn mức trung bình của nước Nga; Mức độ nghèo ở Viễn Đông cao hơn mức trung bình của nước Nga; Phân hóa theo thu nhập lớn.

h. Giáo dục: Viễn Đông có tiềm lực giáo dục đại học lớn; Mạng lưới giáo dục đáp ứng yêu cầu đào tạo của dân cư và đáp ứng đòi hỏi dịch vụ đào tạo. Hạn chế: Còn tồn tại những bất cập về độ tuổi tiền học đường, vấn đề trẻ mồ côi; Thiếu phù hợp giữa cấu trúc và khối lượng đào tạo chuyên gia đối với yêu cầu của việc phát triển kinh tế và xã hội của địa phương.

i. Các lĩnh vực dân sinh: Có các công ty ngoài quốc doanh hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhà ở và dịch vụ, có các hỗ trợ của Nhà nước đối với người thu nhập thấp. Hạn chế: Mật độ dân số thấp, không có hệ thống năng lượng trung tâm ở các khu vực; Thiếu tính hiệu quả của cấu trúc nguồn năng lượng.

k. Những thách thức đối với đại khu liên bang Viễn Đông:

- Chính sách của chính phủ Liên bang đối với Viễn Đông thiếu nhất quán;

- Khu vực bị biến thành nguồn cung cấp nguyên liệu cho các nước đang phát triển cao ở Đông Bắc Á;

- Hiện hữu các nhà sản xuất cạnh tranh mạnh như Trung Quốc và Hàn Quốc, nhất là về thị trường hàng tiêu dùng;

- Dân số giảm do tỉ lệ sinh thấp hơn tỉ lệ chết;

- Tiếp tục dòng người di cư khỏi Viễn Đông do cuộc sống khó khăn hơn so với các khu vực khác của nước Nga;

- Thiếu lực lượng các nhà quản lý, kỹ sư, công nhân có trình độ cao;

- Thách thức của vấn đề môi trường.

3. Kiến nghị các lĩnh vực hợp tác giữa Việt Nam và Viễn Đông

1. Hợp tác đánh bắt và chế biến hải sản

Trước đây, vào những năm 90 của thế kỷ trước, tại Primorie, Sakhalin đã có một số liên doanh khai thác, chế biến và xuất khẩu thủy sản giữa Việt Nam và Nga. Các liên doanh hoạt động rất hiệu quả, mang lại nguồn lợi lớn cho cả hai bên. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các liên doanh này đã bị giải thể. Lúc đó nước Nga chưa làm ăn với thế giới, chưa có bạn hàng và bạn hàng còn hoài nghi vì chưa hiểu rõ thị trường Nga. Hầu hết các khách hàng nước ngoài vào làm ăn với nước Nga muốn thông qua sự đảm bảo của công ty Việt Nam, là những đối tác hiểu rõ nước Nga. Các liên doanh hoạt động phần lớn dựa trên quota hàng năm đánh bắt khai thác cá trên biển và bán trực tiếp cho đối tác nước ngoài trên biển, nên sau một thời gian khi phía Nga có bạn hàng hoặc bạn hàng nước ngoài tự tìm đến phía Nga, phía Nga xuất hiện thêm nhiều công ty tự khai thác và bán hàng trên biển cho đối tác nước ngoài.

Hiện nay, để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chính phủ Nga đưa ra những chính sách hạn chế việc khai thác và xuất khẩu trực tiếp trên biển cũng như việc buôn lậu trên biển, tuy nhiên có vẻ như chưa ngăn chặn được nhiều. Do một thời gian dài kiếm tiền nhanh bằng cách chỉ khai thác và xuất khẩu ngay trên biển nên hầu hết các doanh nghiệp Nga không chú ý đầu tư sâu vào việc xây dựng nhà máy chế biến. Trên thị trường Nga, các sản phẩm thủy sản giá trị gia tăng phần lớn là nhập ngoại chính từ những nguyên liệu thô do chính phía Nga xuất khẩu rẻ và mua lại hàng thành phẩm đắt. Các nhà máy chế biến thủy sản của Viễn Đông công nghệ rất lạc hậu, phần lớn vẫn là công nghệ truyền thống hun khói, phơi tự nhiên, chỉ là sơ chế, hệ thống kho lạnh ít. Trung Quốc đã xây dựng nhiều nhà máy chế biến thủy sản với hệ thống kho đông sệt và hiện đại để mua và chế biến nguồn nguyên liệu hải sản từ Nga phục vụ xuất khẩu sang thị trường Mỹ, EU và có cả Nga.

Như vậy, chúng ta có thể hợp tác liên doanh với các doanh nghiệp Nga nhằm mục đích sử dụng nguyên liệu tại chỗ để chế biến, sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng phục vụ xuất khẩu, nhập nguyên liệu thủy sản từ Nga về Việt Nam với giá cạnh tranh, đồng thời cũng là kênh xuất khẩu đưa các mặt hàng thủy sản của Việt Nam vào thị trường Nga vì hiện nay thị trường Nga cũng rất ưa chuộng các mặt hàng thủy hải sản nhiệt đới của Việt Nam.

2. Hợp tác khai thác và chế biến gỗ

Viễn Đông có rất nhiều rừng (trong 619,6 triệu ha đất có 45,5% là rừng), trong một thời gian dài sau khi Liên Xô tan rã đã bị khai thác một cách tàn bạo và không có kế hoạch, thêm vào đó nạn buôn lậu gỗ qua biên giới Trung Quốc tràn lan cũng đã gây ra nạn phá rừng nghiêm trọng. Hiện nay, chính phủ Nga đã xiết chặt trở lại, nghiêm cấm buôn lậu qua biên giới, cấm xuất khẩu gỗ tròn và đánh thuế cao một số loại gỗ. Chính phủ khuyến khích xây dựng các nhà máy chế biến gỗ và xuất khẩu các mặt hàng gỗ chế biến. Chính quyền các địa phương Viễn Đông còn hạn chế các công ty Trung Quốc tham gia vào kinh doanh gỗ và tạo điều kiện cho các nước khác trong đó có các nước Đông Nam Á thành lập các công ty liên doanh sản xuất, chế biến gỗ. Hiện Malaysia có công ty liên doanh sản xuất chế biến gỗ tại vùng Khabarovsk. Các công ty Việt Nam có thể xem xét tham gia đầu tư thành lập liên doanh sản xuất gỗ tại Viễn Đông với các hướng sau: sản xuất bột giấy, sản xuất gỗ xẻ xuất khẩu, sản xuất các loại đồ gỗ nội ngoại thất, sản xuất các mặt hàng gỗ công nghiệp (như cửa gỗ MDF, HDF, ván gỗ MFC...)...

3. Hợp tác trong lĩnh vực dầu khí

Chúng ta có thể đàm phán để thành lập liên doanh khai thác dầu khí tại tỉnh đảo Sakhalin. Việt Nam có thể đàm phán mua khí gas hóa lỏng từ đây. Việt Nam có thể đàm phán mua dầu thô Đông Siberi nhân mức ESPO qua cảng Kozmino. Hiện nay

Thái Lan đang mua rất nhiều loại dầu thô này của Nga.

4. Hợp tác trong xây dựng cụm dệt may

Trong một số cuộc gặp gỡ giữa cựu Thống đốc Primorie S. Darkin với Thứ trưởng Bộ Công thương Nguyễn Cẩm Tú tại Việt Nam và tại Vladivostok cũng như các cuộc gặp làm việc của cựu Thống đốc với Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Vladivostok, phía bạn đều bày tỏ mong muốn Việt Nam đầu tư xây dựng một khu công nghiệp dệt may tại vùng Khasan, Primorie. Vấn đề trên đã được ghi vào Biên bản Cuộc gặp giữa hai đồng Chủ tịch Ủy ban liên Chính phủ về Hợp tác Kinh tế - Thương mại, khoa học - công nghệ ngày 21/11/2011. Tuy nhiên, Khasan cách Vladivostok 250 km, không thuận tiện. Tổng Lãnh sự quán đã đề nghị phía Nga cấp khu đất tại thị trấn Artem gần Vladivostok, nơi chính quyền rất có cảm tình với Việt Nam. Phía Nga đã nhất trí. Nếu cụm công nghiệp được xây dựng ở Artem, có thể triển khai xây dựng "làng Việt Nam" tại đó như mong muốn của chính quyền Vladivostok.

5. Hợp tác về nông nghiệp

Viễn Đông có 619,6 triệu ha đất, đồng cỏ chăn nuôi chiếm 30,3%. Đất nông nghiệp bình quân 1,32 ha/người. Việt Nam có thể hợp tác trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp như trồng cây lương thực, công nghiệp hay chăn nuôi. Trung Quốc thuê rất nhiều đất, đưa người sang sản xuất nông nghiệp. Hàn

Quốc cũng có các dự án liên doanh trồng ngô và đậu. Trong cuộc gặp với báo chí gần đây, Thủ tướng Bộ Phát triển kinh tế Andrey Slepnev cho biết: Nước Nga có 168 triệu ha đất canh tác nông nghiệp, trong đó 40 triệu ha để hoang. Nga sẵn sàng cho nước ngoài thuê đất lâu dài để trồng trọt, chăn nuôi, giá thuê chỉ 50 Rúp/ha. Tại Viễn Đông, khu vực cho nước ngoài thuê dự kiến hạn chế ở vùng Primorie, vùng Khabarov và tỉnh Amur. Đề xuất đó được tổng thống Putin thông báo tại Hội nghị cấp cao APEC-2012⁴

6. Hợp tác trong lĩnh vực khai khoáng

Ngoài hợp tác khai thác và chế biến than, Việt Nam có thể hợp tác với Cộng hòa Iakutia trong việc khai thác các khoáng sản khác như vàng. Đây là một nước cộng hòa tự trị rộng lớn nhất nước Nga (hơn 3 triệu km²) nhưng dân số thưa thớt, khoảng 900 nghìn người, và khí hậu cực kỳ khắc nghiệt, mùa đông kéo dài 8 tháng, nhiệt độ thường xuyên dưới - 40 độ C.

7. Hợp tác về du lịch, vận tải hàng không

Thúc đẩy du lịch Viễn Đông đến Việt Nam là một hướng trọng tâm. Mùa đông ở Viễn Đông rất lạnh nên rất nhiều người đã tránh rét bằng việc sang nghỉ ở Việt Nam. Việt Nam có bờ biển dài, ẩm quanh năm, giá rẻ, rất thân thiện, an ninh tốt, nhiều danh thắng và gần Viễn Đông... Việt Nam miễn thị thực cho khách Nga đã góp phần tăng trưởng du lịch Nga sang nước ta. Hiện du

lịch Viễn Đông sang Việt Nam tăng nhanh, trung bình mỗi năm có hơn 10 nghìn khách du lịch.

Cần trao đổi với phía Nga nối lại đường bay trực tiếp, thường xuyên giữa Việt Nam và Viễn Đông vừa bị tạm dừng do hãng Aeroflot mua lại hãng Vladavia. Điều đó không chỉ giúp tăng trưởng du lịch Nga sang Việt Nam mà còn tăng cường quan hệ giữa hai bên nói chung.

8. Hợp tác trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đào tạo, văn hóa

Phân viện Viễn Đông của Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga rất mạnh, đặc biệt là các ngành nghiên cứu biển mà Việt Nam rất cần. Viễn Đông có nhiều cơ sở đào tạo đại học với chất lượng đảm bảo, trong đó có hai đại học Liên bang. Có nhiều ngành Việt Nam cần như nghiên cứu đại dương, sửa chữa và đóng tàu, dầu khí, văn hóa và ngôn ngữ tiếng Nga... Viễn Đông có trung tâm đào tạo tiếng Việt và văn hóa Việt Nam lớn nhất nước Nga (Hiện Khoa tiếng Việt, Đại học Liên bang Viễn Đông có khoảng 65 sinh viên theo học).

9. Thúc đẩy thương mại Việt Nam - Viễn Đông

Thương mại hai chiều Việt Nam - Viễn Đông: Năm 2009 đạt 119 triệu USD, trong đó nhập khoảng 76 triệu và xuất 43 triệu. Năm 2010, hoạt động thương mại xuất nhập khẩu giữa Viễn Đông và Việt Nam đã trở nên nhộn nhịp hơn, đạt 129,227 triệu USD, bằng 0,5% thương mại Viễn Đông, trong đó

⁴ Viễn Đông sẽ chia "bàn tay tốt", <http://svpressa.ru>

Việt Nam xuất khẩu 42,081 triệu USD và nhập khẩu 87,146 triệu USD. Năm 2011 trị giá xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Viễn Đông chỉ đạt 97,054 triệu USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu 37,488 triệu USD và nhập khẩu 59,566 triệu USD. Nhập khẩu giảm do chính sách kiểm chế nhập siêu của Việt Nam⁵.

Các mặt hàng xuất khẩu chính từ Việt Nam là nhóm hàng mỳ ăn liền và các sản phẩm mì, rau củ quả đóng hộp, hạt điều, cà phê, cao su tự nhiên, tinh bột sắn và thủy sản khô... Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu về Việt Nam là các sản phẩm sắt thép, amiăng.

Trong tương lai gần (một vài năm tới), kim ngạch thương mại xuất nhập khẩu giữa Viễn Đông và Việt Nam được dự báo là sẽ giảm mạnh do thị trường Viễn Đông nhỏ. Mặt khác, các doanh nghiệp cũng hạn chế nhập hàng Việt qua các cảng Viễn Đông và chờ tiếp bằng đường sắt vì chi phí cao. Để phát triển hơn kinh tế-thương mại giữa Việt Nam và Viễn Đông nhằm khai thác được tiềm năng thế mạnh của bạn về nguyên nhiên liệu như dầu khí, khí đốt, than, gỗ, thủy hải sản..., và có thể cạnh tranh được với các nước láng giềng như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan trong lĩnh vực này (ta có quan hệ chính trị truyền thống tốt) đã đến lúc chúng ta phải nghĩ đến thương mại đầu tư. Các công ty liên doanh trong các lĩnh vực năng lượng (than), đóng tàu, khai thác chế biến gỗ, thủy sản... tạo điều kiện thúc đẩy

thêm hàng hóa hai chiều và đặc biệt là tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp Việt Nam có thể mua được các mặt hàng chiến lược từ phía Nga với giá cạnh tranh. Việc chính phủ Nga đang muốn phát triển vùng Viễn Đông thông qua việc hợp tác và hội nhập với các nước châu Á, trước mắt là muốn tăng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm năng lượng đến các nước châu Á thông qua các hải cảng của Viễn Đông, đang tạo ra những yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp Việt Nam có thể triển khai hợp tác đầu tư.

Tóm lại, Viễn Đông là khu vực rất giàu tài nguyên, nhiều khả năng hợp tác, Nga có yêu cầu khai thác Viễn Đông để phát triển và giữ đất. Trong thúc đẩy hợp tác kinh tế với Viễn Đông, thuận lợi cũng nhiều, song khó khăn không phải ít. Muốn thúc đẩy được hợp tác Việt Nam - Viễn Đông phải có quyết tâm cao của lãnh đạo cũng như doanh nghiệp hai nước. Phải có sự hỗ trợ tích cực của chính phủ hai nước cho doanh nghiệp. Các hướng ưu tiên là hợp tác khai thác dầu khí, đánh bắt và chế biến hải sản, chế biến gỗ, hợp tác nông nghiệp, khai khoáng, sản xuất hàng dệt may, du lịch, nghiên cứu biển...

Đó là tiềm năng hợp tác với Viễn Đông nhưng các doanh nghiệp Việt Nam cần sang tìm hiểu tại chỗ để xác định các lĩnh vực có thể làm ăn được với nhau.

Tài liệu tham khảo chủ yếu

I. Tiếng Nga:

1. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Viễn Đông*, Tài liệu Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vladivostok, 2009.

⁵ Báo cáo của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vladivostok năm 2009, 2010 và 2011.

2. D.A Idotov, D V Suslov: *Hợp tác đầu tư Viễn Đông, Nga với các nước Đông Bắc Á: cố gắng thúc đẩy cuối thập niên 2000*, Tạp chí Nước Nga và Châu Á-Thái Bình Dương, số 2/2011.

3. *Đại khu Liên bang Viễn Đông*, Vladivostok, 2010, Tài liệu Tổng Lãnh sự quán Việt Nam.

4. Kuznhetsov N.V: *Vấn đề phát triển kinh tế-xã hội Viễn Đông*, Vladivostok, 2009.

5. Nhiều tác giả: *Khu vực Viễn Đông*, Vladivostok, 2009.

6. Isaiev V: *Quan điểm phát triển khu vực Viễn Đông của Liên bang Nga*, Khabarov, 2009.

7. Larin V: *Tại sao nước Nga cần Viễn Đông*, PrimaMedia.ru, ngày 28/5/2010.

8. Các mạng của các địa phương Viễn Đông:

www.amuobl.ru; www.kamchatka.team.ru;

www.sahalinskayobl.ru;

www.kolymaru; www.tfieao.ru;

www.sakha.gov.ru;

www.khabrovskad.ru; <http://primorsky.ru>...

II. Tiếng Việt:

1. Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vladivostok: Báo cáo các năm 2009, 2010, 2011.

2. Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Vladivostok: Báo cáo các năm 2009, 2010 và 2011.

3. Vũ Dương Huân: *Đổi điều về Viễn Đông và quan hệ Việt Nam Viễn Đông*, tham luận tại “Diễn đàn doanh nghiệp Việt-Nga” tại Hà Nội, ngày 31/10/2010./.